TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày: 30-06-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ký.

Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Thành Đ, sinh ngày 07/02/1973 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Danh K (đã chết) và bà Đỗ Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 10/12/2014, bị Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Cố ý gây thương tích"; Bị tạm giam từ ngày 24/02/2023, đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Bị hại: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ X, phường P, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Người có QLNVLQ đến vụ án: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tiểu khu Y, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Người làm chứng:

1. Anh Mã Văn Đ, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ X, phường P, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Anh Hoàng Hữu T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với anh Vũ Văn N, sinh năm 1982 trú tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nên khoảng cuối tháng 9/2021, Lê Thành Đ được anh N cho mượn chiếc xe ô tô BKS 25C-039.87 về Thanh Hóa để sử dụng. Khoảng một tuần sau, anh N gửi cho Đ hình ảnh chiếc xe ô tô BKS 33M-0776 đã hết hạn đăng kiểm, thống nhất cho Đ mượn sử dụng để kinh doanh, lợi nhuận chia đôi. Đầu tháng 10/2021, Đ dùng xe tô tô BKS 25C-039.87 đi lên nhà anh Nguyễn Duy Q (là bạn anh N), sinh năm 1984 trú tại thành phố Lai Châu theo hướng dẫn của anh N chở chiếc xe ô tô BKS 33M-0776 về xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, anh N theo xe cùng về đến nhà Đ. Tại đây, anh N và Đ viết giấy cho mượn xe ô tô đề ngày 02/10/2021, trên giấy không ghi thời hạn mượn, lợi nhuận hai bên thống nhất bằng miệng tùy theo công việc sẽ tính toán. Một tuần sau, anh N xuống nhà Đ lấy chiếc xe ô tô BKS 25C-039.87. Đến khoảng tháng 11/2021, Đ nảy sinh ý định bán chiếc ô tô BKS 33M-0776 để lấy tiền tiêu xài, Đ liên lạc với anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975 trú tại thị trấn Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La chào bán với giá 160.000.000đ. Anh D nhờ anh Mã Văn Đ, sinh năm 1976 trú tại xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến kiểm tra xe và đồng ý mua. Ngày 09/11/2021, anh D chuyển cho Đ 80.000.000đ tiền đặt cọc từ số tài khoản 41110000259816 của anh D sang số tài khoản 0899971676 của Đ. Ngày 10/11/2021, Đ cùng anh Hoàng Hữu T, sinh năm 1991 trú tại thôn Đoài Thôn, xã Yên Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và anh Đ đưa xe lên cho anh D. Khi đưa xe đến nơi anh D thấy xe đã cũ nên thỏa thuận và thống nhất mua xe với giá 150.000.000đ. Anh D đưa thêm cho Đ 50.000.000đ bằng việc chuyển vào tài khoản của anh T để Đ trả nợ số tiền Đ vay của anh T 50.000.000đ. Tổng số tiền Đ nhận của anh D là 130.000.000đ. Hai bên viết giấy mua bán hẹn trong vòng 07 ngày Đ giao đăng ký gốc xe ô tô BKS 33M-0776 cho anh D và anh D trả nốt số tiền 20.000.000đ. Trước khi về anh D cho Đ thêm 5.000.000đ tiền công vận chuyển xe cho anh D. Toàn bộ quá trình bán xe ô tô BKS 33M-0776 Đ không thông báo cho chủ sở hữu xe là anh N. Khoảng đầu tháng 11/2021, anh N gọi điện thoại yêu cầu Đ trả lại xe, Đ nói dối anh N để kéo dài thời gian. Anh N và anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho Đ nhưng Đ không nghe điện thoại, tránh không gặp mặt anh N. Sau khi anh N biết Đ đã bán chiếc xe của mình đã viết đơn tố cáo Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hà Trung đã thu giữ vật chứng, lấy lời khai bị hại, người làm chứng, người liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hà Trung đã thu giữ 01 (một) xe ô tô BKS 33M-0776 đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, 01 (một) Đăng ký của xe ô tô BKS 33M-0776. Sau khi định giá tài sản Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Vũ Văn N.

Kết quả trưng cầu giám định: Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 31/01/2023 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa kết luận: Giá trị của xe ô tô tải gắn cẩu nhãn hiệu HUYNDAI, loại 5TON, BKS: 33M - 0776, vỏ sơn màu trắng, số máy: D6BJT153792, số khung: KMFLA19JPTC101839, đã qua sử dụng, sản xuất năm 1996, đăng ký lần đầu ngày 16/02/2006, do phòng CSGT - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/10/2010 cho ông Chu Văn Kim. Thời điểm định giá tháng 9 năm 2022 là 140.000.000đ.

Về dân sự: Quá trình điều tra Lê Thành Đ đã trả lại cho anh Nguyễn Ngọc D số tiền 20.000.000đ, số tiền còn lại 110.000.000đ anh D yêu cầu Đ có trách nhiệm trả lại cho anh. Đối với anh Vũ Văn N sau khi nhận lại xe ô tô BKS 33M -0776, yêu cầu Đ phải bồi thường số tiền chi phí trong thời gian không có xe để hoạt động là: 75.000.000đ.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSHT ngày 02/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá truy tố Lê Thành Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại Vũ Văn N vắng mặt (lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Ngọc D vắng mặt.

Bị cáo Lê Thành Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vấn đề dân sự giữa bị cáo với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thành Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Đ với mức án từ 42 đến 48 tháng tù.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đ phải phải bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc D số tiền 130.000.000đ. Bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền 110.000.000đ.

Dành quyền dân sự cho anh Vũ Văn N khởi kiện yêu cầu bị cáo Lê Thành Đ bồi thường số tiền thiệt hại 75.000.000đ bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và có đủ chứng cứ chứng minh.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 21, 23, 24 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Ngày 02/10/2021, anh Vũ Văn N đã cho bị cáo Lê Thành Đ mượn 01 (một) xe ô tô tải gắn cẩu nhãn hiệu HUYNDAI, BKS: 33M - 0776 (đã qua sử dụng) để kinh doanh, lợi nhuận chia đôi. Sau khi nhận được tài sản bị cáo Đ không kinh doanh mà nảy sinh ý định bán tài sản để chiếm đoạt. Ngày 10/11/2021, bị cáo Đ đã đưa xe tải gắn máy cẩu lên thị trấn Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nói dối là xe của mình và bán cho anh Nguyễn Ngọc D với giá 150.000.000 Đ, số tiền bán được Đ trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Khi anh N đòi lại T sản, bị cáo Đ liên tục nói dối và bỏ đi khỏi địa phương. Tài sản bị cáo Đ chiếm đoạt trị giá là 140.000.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Lê Thành Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Vũ Văn N, sau khi mượn tài sản có giá trị nêu trên của bị hại đã không trả mà chiếm đoạt đem đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của bị hại. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành Đ là nghiêm trọng, diễn ra hết sức manh động và nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn chân chính, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân địa phương.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vào ngày 10/12/2014, bị cáo Đ bị Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Cố ý gây thương tích", đến nay đã được xoá án tích và được xác định là không có tiền sự, tiền án; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bố đẻ của bị cáo có thời gian công tác trong lực lượng Bộ đội biên phòng từ tháng 02/1965 đến tháng 9/1971; mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Đ như đã nêu trên, xét thấy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết. Nhưng khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân lương thiện.

[7] Xét bị cáo Đ là đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Căn cứ vào yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, buộc bị cáo Đ phải bồi thương cho anh D số tiền 130.000.000đ. Chấp nhận bị cáo đã bồi thường được số tiền 20.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền 110.000.000đ.

[8.2] Đối với số tiền 75.000.000đ bị hại Vũ Văn N yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường, vì bị hại cho rằng đó là số tiền bị mất thu nhập trong thời gian không có xe ô tô tải, BKS: 33M - 0776 để hoạt động. Quá trình điều tra, chưa đủ căn để xác định anh N bị thiệt hại số tiền trên; Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách một phần trong phần dân sự của vụ án, dành quyền dân sự cho anh N khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và có đủ chứng cứ chứng minh.

[9] Về án phí: Bị cáo Đ là người bị kết án và là người phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175; Các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589, 351 và 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào: Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Đ 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2023.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thành Đ phải bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc D số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng); Bị cáo đã bồi thường được số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Khi bản án có hiệu pháp luật, anh Nguyễn Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo Lê Thành Đ phải bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bị cáo phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Dành quyền dân sự cho anh Vũ Văn N khởi kiện yêu cầu bị cáo Lê Thành Đ bồi thường số tiền thiệt hại 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và có đủ chứng cứ chứng minh.

Án phí: Bị cáo Lê Thành Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- VKSND H.Hà Trung;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- CQĐT CA H.Hà Trung;
- Nhà tạm giữ, CA H.Hà Trung;
- CQTHAHS CA H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh